

Án số: 142/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 8 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Biên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Khang;

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998; địa chỉ: Đội 6, xã Nm Điền, huyện N, tỉnh Nm Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 9, xã Nghĩa Hồng, huyện N, tỉnh Nm Định.

Tại phiên tòa có mặt Chị Nguyễn Thị N, vắng mặt anh Trần Văn P (Anh P có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Văn P kết hôn ngày 07/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hồng, huyện N, tỉnh Nm Định. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do vợ chồng không hợp tính cách. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho tới nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh P được ly hôn. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là cháu Trần Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 02/3/2017. Sau khi ly hôn, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duyên

và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn P nộp bản tự khai thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị N đã trình bày tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh P xác định là vợ chồng không hợp tính cách. Ny chị N có đơn xin ly hôn với anh thì anh có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung, sau khi ly hôn anh P nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duyên và anh P không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm Ny đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm, đánh giá việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn P. Giao con chung là cháu Trần Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 02/3/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với chị N theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn P đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Nghĩa Hồng, huyện N, tỉnh Nm Định. Chị N có đơn xin ly hôn anh P và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, anh Trần Văn P có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn P kết hôn vào ngày 07/11/2016 tại UBND xã Nghĩa Hồng, huyện N, tỉnh Nm Định. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn P là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân không quan tâm chăm sóc tới nhau, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ny chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh P cũng không muốn níu giữ tình cảm, nhất trí ly hôn với chị N. Như vậy việc ly hôn giữa chị N và anh P là thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị N và anh P thống nhất xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Trần Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 02/3/2017. Sau khi ly hôn chị N và anh P thống nhất thỏa thuận giao cháu Duyên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận của anh P chị N về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tâm lý của cháu Duyên nên cần chấp nhận. Hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh P không yêu cầu xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 02/3/2017. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N đối với cháu Duyên. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004224 ngày 09/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị N, vắng mặt anh P. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nm Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Nghĩa Hồng;
- UBND xã Nm Điền;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Bùi Văn Biền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Đức Khang

Dương Thị Vui

Bùi Văn Biên